

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2023/HS-ST**
Ngày: 30-10-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doanh Thiêm Vân

Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Hữu N (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 13 tháng 10 năm 1987 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Quốc A, sinh năm 1961 và bà Lê Thị P, sinh năm 1963; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/7/2020 bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/6/2023 đến ngày 19/6/2023 thì chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 15 phút, ngày 15/6/2023 tại đường tỉnh lộ ĐT 252 thuộc thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Công an xã Đ phối hợp với đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện N đang làm nhiệm vụ

đã phát hiện một đối tượng nam giới điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX màu xanh-đen, biển kiểm soát 11B1-.... theo hướng từ xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đi xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Qua kiểm tra, đối tượng khai tên là Trần Hữu N, sinh năm 1987, trú tại thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Quá trình kiểm tra, N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an 01 (một) gói chất màu trắng dạng cục và bột được gói bằng 02 (hai) lớp nilon không màu N đang cầm trong lòng bàn tay phải (*được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1*); 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím bấm nhãn hiệu NOKIA (*được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2*) và tạm giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX màu xanh-đen, biển kiểm soát 11B1-..., xe đã qua sử dụng, kèm chìa khóa xe, qua kiểm tra xe mô tô không phát hiện thu giữ, tạm giữ gì liên quan đến ma túy.

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 20/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, công trình phụ cận đối với N ở thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Qua khám xét không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến ma túy.

Tại biên bản mở niêm phong và cân xác định khối lượng hồi 17 giờ 40 phút ngày 15/6/2023 xác định: Phong bì niêm phong ký hiệu T1 bên trong có 01 (một) gói nhỏ chứa chất màu trắng dạng cục và bột được gói bằng hai lớp nilon không màu, cân riêng số chất bột màu trắng dạng cục và bột có khối lượng 0,63g (*Không thấy sáu ba gam*) và niêm phong trong phong bì mới ký hiệu B1 để gửi giám định. Vỏ phong bì và túi nilon ban đầu cho vào phong bì mới niêm phong ký hiệu B2.

Tại Kết luận giám định số 204/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bắc Kạn Kết luận: “*Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,63g (Không thấy sáu ba gam),,*”.

Quá trình điều tra, N khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy, nên vào khoảng hơn 11 giờ 30 phút, ngày 15/6/2023, N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, màu xanh-đen, biển kiểm soát 11B1-553.46 đi từ nhà ở sang khu vực xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khi đi đến khu vực đường bê tông thuộc thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì gặp một người đàn ông tên H (N có quen H từ trước nhưng không rõ họ và tên đệm, địa chỉ cụ thể ở đâu), N có hỏi H và mua được với H 01(một) gói ma túy với giá 500.000đ. Sau khi mua được ma túy, N cầm gói ma túy lên bụi cây trên đường bê tông trích một ít chất ma túy ra để sử dụng bằng hình thức pha chất ma túy vào nước và dùng xi lanh tiêm trực tiếp vào cơ thể. Số ma túy còn lại N gói lại cầm trong lòng bàn tay phải rồi điều khiển xe đi về nhà. Trên đường về thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy trên.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSNS, ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trần Hữu N về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hữu N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/6/2023 đến 19/6/2023.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (Heroine) hoàn lại sau khi giám định, mảnh nilon gói cũ, phong bì niêm phong cũ có trong các phong bì niêm phong ký hiệu T113, B2; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, về xử lý vật chứng. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu N khai nhận: Do nghiện ma túy nên ngày 15/6/2023, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) gói ma túy (Heroine) có tổng khối lượng 0,63 gam (không phải sáu ba gam) trên người mục đích sử dụng cho bản thân và đã bị tổ công tác Công an xã Đ, huyện N phát hiện bắt quả tang, tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 15 phút, ngày 15/6/2023; biên bản khám xét lập hồi 13 giờ 30 phút, ngày 20/6/2023; biên bản mở đóng niêm phong, cân xác định khối lượng chất bột màu trắng nghi là chất ma túy và gửi mẫu giám định ngày 15/6/2023; phù hợp với Kết luận giám định số 204/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình

sự Công an tỉnh Bắc Kạn; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Trần Hữu N đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Heroine..... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,63 gam (không phải sáu ba gam) ma túy (Heroine).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng háms lời có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo không có tiền án tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có ông ngoại là Lê Văn Nh được Nhà nước tặng Bằng khen vì góp công, góp sức vào cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc. Bố, mẹ của bị cáo là ông Trần Quốc A và bà Lê Thị P thuộc diện đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, người bào chữa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Số ma túy (Heroin) hoàn lại sau khi giám định, mảnh nilon cũ và phong bì niêm phong cũ là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe kèm theo 01 chìa khóa xe và 01 đăng ký xe mô tô, xe máy bị tạm giữ. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hoàng Thị B, sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc trả lại chiếc xe là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo có đề nghị xin lại nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với người đàn ông tên H không rõ họ tên đệm, địa chỉ theo lời khai của bị cáo là người đã bán ma túy cho bị cáo. Kết thúc điều tra không xác định được nhân thân, lý lịch, địa chỉ của người đàn ông này nên không đủ căn cứ để điều tra, xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Hoàng Thị B là chủ sở hữu chiếc xe mô tô bị tạm giữ. Qua điều tra xác định việc bị cáo sử dụng xe vào việc đi mua và tàng trữ ma túy bà B không biết. Nên Cơ quan điều tra không xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/6/2023 đến ngày 19/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong mặt trước phong bì có ghi: “T113; Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: Trần Hữu N (1987), nơi thường trú và nơi ở hiện tại: N- M- T- Cao Bằng, tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong mặt trước phong bì có ghi: Toàn bộ mảnh nilon gói cũ và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu B2.

2.2. Trả lại cho bị cáo Trần Hữu N: 01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Trần Hữu N, đã kiểm tra và phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu T2 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu L1.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ